

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày 30 – 01 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán xe và thuê xe

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên

Trong các ngày 29, 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2018/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 888/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán xe và thuê xe giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số 2B, đường L, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L – sinh năm: 1983 địa chỉ: số 104, đường N, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2018 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Khánh L, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Bà Lương Ái N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 370, đường N, khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 232, đường N, khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Chan Đa R, sinh năm: 1988 theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019 (có mặt).

2/ Văn phòng Công chứng Trần Mai H.

Địa chỉ: Số 12A, đường H, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh H - Trưởng Văn Phòng công chứng (vắng mặt).

3/ Văn phòng công chứng Đ

Địa chỉ: Số 69, đường N, khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Trưởng Văn Phòng công chứng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thanh D, sinh năm: 1984 theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/6/2018 của nguyên đơn, Bản tự khai ngày 11/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 08/02/2017 ông Nguyễn Hoàng T có ký hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 69A-034.10 của vợ chồng bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L với giá 600.000.000đ, ngày sau đó ông Tuấn cho chị N thuê lại với giá 36.000.000đ/tháng, sau khi thanh toán được 05 tháng tiền thuê xe thì vợ chồng N và L bỏ đi và ông T phát hiện xe trên vợ chồng N và L đã bán cho ông Nguyễn Tấn L bằng hai hợp đồng mua bán vào ngày 04/01/2017 và ngày 08/6/2017. Ông T đã yêu cầu công an xử lý hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng N, L, nhưng Cơ quan điều tra đã đình chỉ điều tra. Trong thời gian điều tra, N và L đã trả lại cho ông T số tiền 110.000.000đ vào ngày 21/5/2018. Ông T thừa nhận hợp đồng mua bán xe đã ký kết với bà N ông L là hợp đồng giả tạo cho hợp đồng vay với mức lãi suất 36.000.000đ/tháng theo như thỏa thuận tại hợp đồng thuê xe. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà N và ông L phải trả lại cho ông số tiền còn lại vốn là 490.000.000đ và khoản tiền lãi với mức lãi 20%/năm, thời gian từ 08/02/2017 đến 21/5/2018, thời gian 15 tháng với số vốn là 600.000.000đ, từ 22/5/2018 đến nay thời gian 08 tháng với số tiền vốn 490.000.000đ, tổng tiền lãi 215.330.000đ. Ngoài ra do cơ quan cảnh sát điều tra đã đình chỉ điều tra theo văn bản số 367/VKS-P1 ngày 14/5/2018 về việc yêu cầu đình chỉ điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau vì cho rằng tất cả các hợp đồng mua bán xe nói trên giữa vợ chồng N, L với ông T và ông Tấn L đều là hợp đồng giả tạo để che đậy hợp đồng vay, số tiền vay nhỏ hơn giá trị xe nên ông yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 69A-034.10 giữ bà N ông L với ông Tấn L vào các ngày 04/01/2017 và ngày 08/6/2017.

Tại các biên bản ghi lời khai Nguyên thừa nhận các hợp đồng mua bán xe và thuê xe đã ký kết với ông T đều là hợp đồng giả tạo để vay tiền không phải mua bán xe. Hợp đồng mua bán xe ngày 04/01/2017 giữa bà N, ông L với ông Tấn L cũng là hợp đồng vay tiền không phải bán xe. Bà N không ký hợp đồng ngày 08/6/2017 với ông Tấn L. Thừa nhận có vay của ông T 600.000.000đ, lãi thỏa thuận 36.000.000đ/tháng nhưng thực tế bà N đã trả cho ông T 42.000.000đ/tháng. Trong giai đoạn điều tra đã trả cho ông T 110.000.000đ, thừa nhận còn nợ tiền vốn 490.000.000đ.

Tại phiên tòa, ông Kim Chan Đa R đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn L trình bày: Ngày 04/01/2017 bà N và ông L đã bán cho ông Tấn L xe ô tô biển số 69A-034.10 giá là 900.000.000đ nhưng làm hợp đồng chỉ thỏa thuận giá 500.000.000đ để giảm thuế, ngay sau ký hợp đồng ông Tấn L trả cho

bà N 500.000.000đ, sau hai tháng đã trả xong 900.000.000, sau đó mới đi đăng ký sang tên xe và vì sợ phạt vì không làm thủ tục đăng ký sang tên trong thời hạn 30 ngày từ khi ký hợp đồng nên đã nhờ nhân viên văn phòng công chứng Huỳnh Thắng L nay là Văn phòng công chứng Trần Mai H sửa từ hợp đồng công chứng ngày 04/01/2017 số công chứng 124 sửa thành ngày 08/6/2017 và mang số 5550, thực chất không có hợp đồng công chứng 5550 để chứng việc mua bán xe giữa ông Tấn L với N và L ngày 08/6/2017 nên thống nhất hủy bỏ hợp đồng này vì hợp đồng không có thật.

Đại diện Văn phòng công chứng Huỳnh Thắng L nay là Văn phòng công chứng Trần Mai H thừa nhận hợp đồng công chứng mang số 5550 ngày 08/6/2017 do sơ suất của công chứng viên Huỳnh Thắng L đã ký không đúng. Nay Văn phòng công chứng Trần Mai H có văn bản số 18/CV-VPCC ngày 24/01/2019 để yêu cầu rút lại hợp đồng số 5550 ngày 08/6/2017.

Đại diện văn phòng công chứng Đất M trình bày: Việc công chứng hợp đồng số 1091 ngày 08/2/2017 để mua bán xe ô tô giữa ông Nguyễn Hoàng T với Lương Ái N, Nguyễn Khánh L là đúng quy định. Khi công chứng các bên có trình giấy đăng ký xe bản chính.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: hợp đồng ngày 08/02/2017 là giả cách, hợp đồng 08/06/2017 thực hiện không đúng quy định pháp luật, hợp đồng ngày 04/01/2017 không còn hiệu lực nên chấp nhận hủy cả ba hợp đồng mua bán xe. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn khoản tiền vốn và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L hoàn trả số tiền thỏa thuận mua bán xe ô tô nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L và đại diện Văn phòng công chứng Huỳnh Thắng L nay là Văn phòng công chứng Trần Mai H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để triệu tập bà N, ông L và Đại diện Văn phòng công chứng Huỳnh Thắng L nay là Văn phòng công chứng Trần Mai H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải đến lần thứ hai nhưng bà N, ông L vẫn vắng mặt không lý do, Đại diện Văn phòng công chứng Trần Mai H có đơn yêu cầu vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N, ông L và Đại diện văn phòng công chứng Trần Mai H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà N, ông L vẫn vắng mặt không lý do, Đại diện văn phòng công chứng Trần Mai H có đơn yêu cầu vắng mặt nên Tòa án

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Ng, ông L và Đại diện văn phòng công chứng Trần Mai H là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với hợp đồng mua bán xe ngày 08/02/2017 số công chứng 1091 giữa ông Nguyễn Hoàng T với bà Lương Ái N, ông Nguyễn Khánh L cũng như hợp đồng thuê xe ngày 08/02/2017 giữa ông Nguyễn Hoàng T với bà Lương Ái N, mặc dù nội dung thể hiện là mua bán và thuê xe đối với xe ô tô con biển số 69A-034.10 nhãn hiệu TOYOTA, màu bạc, số máy D230148, số khung 22C48S172626 theo giấy đăng ký 005794 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/12/2016. Qua quá trình điều tra tại các biên bản hỏi cung của bà N, ông L và ông T cũng như lời khai của đại diện ông T tại phiên tòa thống nhất giao dịch giữa các đương sự trên thực tế là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi suất, hợp đồng mua bán xe để che đậy hợp đồng vay, số tiền vốn 600.000.000đ và hợp đồng thuê xe để thỏa thuận mức lãi suất 36.000.000đ/tháng nhưng thực tế bà Nguyễn đã trả tiền lãi 42.000.000đ/tháng, tương đương với mức lãi 07%/tháng. Do đó, giao dịch tại hợp đồng mua bán và hợp đồng thuê xe đối với xe ô tô con biển số 69A-034.10 giữa ông T với bà N và ông L là giao dịch giả tạo để che đậy giao dịch vay tài sản. Nên căn cứ vào Điều 124 của Bộ luật Dân sự thì giao dịch tại hợp đồng mua bán xe và hợp đồng thuê xe là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo, còn giao dịch vay tài sản có thỏa thuận lãi suất là giao dịch có hiệu lực. Xét giao dịch vay số tiền vốn 600.000.000đ từ ngày 08/02/2017 đến ngày 21/5/2018 bà N đã thanh toán được 110.000.000đ tiền vốn và đóng lãi 04 tháng bằng 168.000.000đ. Nay ông T yêu cầu bà N và ông L trả lại số tiền vốn 490.000.000đ, khoản lãi 47.330.000đ tương đương với mức lãi 20%/năm, cụ thể:

Từ ngày 08/02/2017 đến ngày 21/5/2018, thời gian 15 tháng, tiền vốn 600.000.000đ bằng 150.000.000đ;

Từ ngày 21/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2019, thời gian 08 tháng, tiền vốn 490.000.000đ bằng 65.330.000đ.

Tổng tiền lãi đến nay là 215.330.000đ, đối trừ tiền lãi bà N ông L đã trả cho ông T 04 tháng bằng 168.000.000đ, còn lại tiền lãi N và L phải trả là $215.330.000đ - 168.000.000đ = 47.330.000đ$. Tổng số tiền vốn và lãi ông T yêu cầu bà N ông L trả là 537.330.000đ. Yêu cầu này của ông T phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn ông L tại các biên bản ghi lời khai. Do đó, căn cứ các Điều 466, 357, 468 chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng số 005550 ngày 08/06/2017 giữa bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L với ông Nguyễn Tấn L vô hiệu. Do hợp đồng mua bán xe giữa ông T ký kết với ông L, bà N là hợp đồng giả tạo nên quyền lợi của ông T không bị ảnh hưởng bởi hợp đồng này. Tuy nhiên, trên cơ sở thừa nhận của ông Tấn L cũng như lời trình bày của công chứng viên Huỳnh Thắng L và chị Hồ Thị Đ tại các văn bản tường trình và biên bản ghi lời khai (các bút lục số 121, 126, 127, 128, 130) thể hiện hợp đồng này không phải do ông Tấn L cùng bà Nguyễn và ông L thỏa thuận để giao kết vào ngày 08/6/2017 mà sử dụng nội dung, chữ ký của các bên tại hợp đồng trước đó ngày 04/01/2018 số 000124 để sửa đổi ngày công chứng và số hợp

đồng công chứng trong khi bà N và ông L xác định không biết đến hợp đồng này, nay Đại diện Văn phòng công chứng Trần Mai H mà trước đây là Văn phòng công chứng Huỳnh Thăng L xác định do sơ xuất nên công chứng không đúng thủ tục và yêu cầu được rút lại công chứng này, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Tấn L cũng thống nhất hủy hợp đồng này vì nó không có thật. Trên cơ sở yêu cầu và sự thống nhất của Đại diện văn phòng công chứng Trần Mai H và đại diện ông L, căn cứ Điều 117, Điều 407 của Bộ luật Dân sự chấp nhận tuyên bố Hợp đồng mang số công chứng số 005550 ngày 08/06/2017 giữa bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L với ông Nguyễn Tấn L về việc mua bán xe ô tô con biển số 69A-034.10 vô hiệu.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng ngày 04/01/2017 số công chứng 000124. Mặc dù, tại công văn số 367/VKS-P1 ngày 14/5/2018 xác định “chưa đủ căn cứ xác định hợp đồng mua bán xe giữa N và Tấn L có thực chất là hợp đồng mua bán hay là hợp đồng thế chấp xe ô tô để vay tiền. Việc N dùng xe ô tô (của Nguyễn) để tiếp tục cầm cố cho T vay tiền thì không phải là hành vi lừa đảo T để chiếm đoạt tài sản, vì N xác định giá trị xe là 1.300.000.000đ, tổng vay tiền của Lầy là 640.000.000đ, sau đó vay của T 600.000.000đ, nên tổng số tiền vay của hai người vẫn trong giá trị của chiếc xe” và yêu cầu Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau đình chỉ vụ án. Ngày 22/5/2018 Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau ban hành quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 06/QĐ-PC44, tại các văn bản này đã xác định số tiền 640.000.000đ trong đó có 500.000.000đ thỏa thuận tại hợp đồng mua bán xe ngày 04/01/2017 số công chứng 000124 là tiền vay không phải là giao dịch mua bán đối với xe ô tô biển số 69A-034.10, số tiền vay của cả ông T và ông Tấn L vẫn được đảm bảo trong phạm vi giá trị của xe ô tô biển số 69A-034.10, nên không khởi tố hình sự đối với bà N. Ông T và ông Tấn L đều không khiếu nại đối với các văn bản này. Tuy nhiên, hiện nay các bên trong hợp đồng này là ông L, bà N và ông L chưa ai yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng này và do hợp đồng mua bán giữa T và N là hợp đồng giả tạo che đậy hợp đồng vay nên quyền lợi của ông T chưa bị xâm phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này, mà căn cứ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng ngày 04/01/2017 số công chứng 000124 giữa ông Tấn L với bà N ông L đối với xe ô tô biển số 69A-034.10 nhãn hiệu TOYOTA, màu bạc, số máy D230148, số khung 22C48S172626, theo giấy đăng ký 005794 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/12/2016 là vô hiệu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà N và ông L phải chịu, tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Ông T không phải chịu án phí, theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 117, 124, 357, 407, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 192, 207, 217, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T:

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ngày 08/02/2017 số công chứng 1091 giữa ông Nguyễn Hoàng T với bà Lương Ái N, ông Nguyễn Khánh L và Hợp đồng thuê xe ngày 08/02/2017 giữa ông Nguyễn Hoàng T với bà Lương Ái N là vô hiệu.

Buộc bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền tính đến ngày 30/01/2019 bằng 537.330.000đ (*Năm trăm ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng*). Trong đó tiền vốn 490.000.000đ, tiền lãi 47.330.000đ.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô con biển số 69A-034.10 đề ngày 08/06/2017 số công chứng 005550 giữa bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L với ông Nguyễn Tấn L vô hiệu.

Đình chỉ yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng mua bán xe ngày 04/01/2017 số công chứng 000124 giữa ông Nguyễn Tấn L với bà Lương Ái N ông Nguyễn Khánh L đối với xe ô tô biển số 69A-034.10 nhãn hiệu TOYOTA, màu bạc, số máy D230148, số khung 22C48S172626, theo giấy đăng ký 005794 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/12/2016.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 25.493.000đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng*) bà Lương Ái N và ông Nguyễn Khánh L phải nộp (*chưa nộp*). Ông Nguyễn Hoàng T không phải nộp án phí, ngày 19/6/2018 anh Nguyễn Hoàng T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 16.800.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng*) theo lai thu số 0000938 và ngày 22/6/2018 anh Nguyễn Hoàng T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo lai thu số 0000953, tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Cà Mau, ông Nguyễn Hoàng T được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Tấn L và Văn phòng công chứng Đất M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Văn phòng công chứng Trần Mai H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thi Thu

